**Làm văn Bài: *Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận***

**I. Phân tích đề: Ví dụ SGK**

**II. Lập dàn ý:**

- Là cách sắp xếp các ý theo một trình tự lôgic.

- Giúp người viết không bỏ sót những ý quan trọng, đồng thời loại bỏ được những ý không cần thiết, giúp viết bài được nhanh hơn, dễ dàng hơn.

**- Muốn lập dàn ý tốt cần phải**:

**1. Xác lập luận điểm**: Luận điểm là ý kiến, quan điểm của người viết về vấn đề đặt ra.

**2. Xác định luận cứ:**

**-** Luận cứ là các tài liệu dùng làm sáng tỏ luận điểm.

- Có 2 loại luận cứ:

+ Từ thực tế đời sống, từ văn học.

+ Lí lẽ (nguyên lí, chân lí).

**3. Sắp xếp luận điểm, luận cứ:**

**-** Theo bố cục ba phần: *Mở bài* nêu được vấn đề. *Thân bài* triển khai được vấn đề. *Kết bài* khái quát được vấn đề.

- Mỗi phần có những nhiệm vụ riêng và liên kết với nhau một cách thống nhất.

**III. Luyện tập :**

**\*** Phân tích đề và lập dàn ý:

Đề 1: Cảm nhận bài thơ Tự tình (Bài II) của Hồ Xuân Hương.

Đề 2: Cảm nhận bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến.

Đề 3. Cảm nhận bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương.

\*Đề tự chọn:

1. Bàn về **lòng hiếu thảo**.
2. **Vai trò** **của tình cảm gia đình** đối với cuộc sống của mỗi người. Bản thân em **đã làm gì để nuôi dưỡng, gìn giữ** tình cảm gia đình?
3. **Tầm quan trọng** của tự học. Hãy **chia sẻ phương pháp tự học** của em.
4. **Mong ước của em là gì**? Bản thân em **đã và sẽ làm gì** để thực hiện mong ước ấy?.
5. Theo em, **tuổi trẻ cần làm gì để** trở thành người **sử dụng mạng xã hội thông minh**?
6. Theo em, **hậu quả của lối sống ích kỉ là gì**? Bản thân em **sẽ làm gì để truyền năng lượng tích cực cho mọi người**?

***Làm văn: Bài: Thao tác lập luận phân tích***

***Luyện tập thao tác lập luận phân tích***

**I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích**:

Khái niệm: Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố, bộ phận để xem xét rồi khái quát, phát hiện bản chất của hiện tượng.

- ***Mục đích***: Làm rõ đặc điểm về nội dung, hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của đối tượng (sự vật, hiện tượng).

- ***Yêu cầu***: +Cần chia nhỏ đối tượng thành nhiều yếu tố, khía cạnh để đi sâu, xem xét một cách kĩ càng nội dung và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của sự việc, hiện tượng.

+ Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp, khái quát

**II. Cách phân tích**: Cần đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh nhưng cần lưu ý quan hệ của từng yếu tố, khía cạnh trong một chỉnh thể toàn vẹn, thống nhất.

**III. Luyện tập:**

Đề 1: Cảm nhận bài thơ Tự tình (Bài II) của Hồ Xuân Hương

Đề 2. Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương.

**Đọc văn: Bài ca ngất ngưởng**

(Nguyễn Công Trứ)

**I. Tiểu dẫn:**

**1. Tác giả: -**  Là nhà nho tài tử trung thành với lí tưởng trí quân trạch dân, cuộc đời phong phú đầy thăng trầm, sống bản lĩnh, phóng khoáng và tự tin, có nhiều đóng góp cho dân nước.

- Góp phần quan trọng vào việc phát triển thể hát nói.

**2. Tác phẩm**: - Được viết sau khi tác giả về hưu (1848), theo thể ca trù.

**II. Đọc hiểu văn bản:**

**1. Nội dung : Hình ảnh ông *ngất ngưởng***

**- Ngất ngưởng trên hành trình hoạn lộ** (6 câu đầu)

+ NCT coi việc làm quan là đã “vào lồng” (mất tự do) nhưng ông *vẫn ra làm quan vì lí tưởng trí quân, trạch dân.* Ông cho rằng “M*ọi việc trong trời đất đều là phận sự của ta”* (Vũ trụ nội mạc phi phận sự)

+ Tự hào nhắc lại các chức quan mình đã làm, tự nhận mình là người văn võ toàn tài, sống bản lĩnh, tự tin, kiên trì lí tưởng.

**- “Ngất ngưởng” khi cáo quan về hưu (Phần còn lại) :**

*+ Nhà thơ tự tin phô trương thú chơi ngông, khẳng định cá tính của một bậc tài tử phong lưu*: Cưỡi bò vàng, đeo nhạc ngựa cho bò, buộc mo cau vào đuôi bò; uống rượu say rồi đưa các cô gái trẻ đi chùa nghe hát ả đào;

*+ Không quan tâm đến chuyện được- mất, khen chê ở đời*.

*+Sống tự do, thỏa chí theo sở thích:* “Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng”, nhưng luôn hiểu được mình là người của cuộc đời- một người “không vướng tục” (không luồn cúi, nịnh bợ, không phạm vào các thói tục, thói xấu).

*+ Khẳng định mình là một nhà nho trung thành với lí tưởng trung quân ái quốc,* có thể sánh vai với các danh tướng thời xưa (Chẳng Trái, Nhạc.....sơ chung)

=> NN là lối sống có cá tính, có bản lĩnh, sống phóng khoáng, tự tin, hết lòng vì dân vì nước; khác lối sống lập dị (ngang bướng, tự kiêu, ích kỉ, cá nhân…). .

Qua lối sống ấy, ta thấy rõ vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Công Trứ: một con người giàu năng lực, dám sống cho mình, dám bỏ qua sự gò bó của lễ giáo để theo đuổi cái tâm tự nhiên.

**2. Nghệ thuật:** thể hát nói phù hợp với việc bày tỏ tư tưởng, tình cảm tự do phóng túng, thoát ra ngoài khuôn khổ của tác giả.

**3.Ý nghĩa văn bản :** Con người Nguyễn Công Trứ thể hiện trong hình ảnh “ông ngất ngưởng”: từng làm nên sự nghiệp lớn, tâm hồn tự do phóng khoáng, bản lĩnh sống mạnh mẽ, ít nhiều có sự phá cách về quan niệm sống, vượt qua khuôn sáo khắt khe của lễ giáo phong kiến để theo đuổi cái tâm tự nhiên.

**Đọc văn: BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT - Cao Bá Quát**

(Sa hành đoản ca)

**I.** **Tiểu dẫn**

**1. Tác giả :**

- Là người có tài cao, nổi tiếng văn hay chữ tốt và có uy tín lớn trong giới trí thức đương thời (thần Siêu thánh Quát)

- Ông còn là người có khí phách hiên ngang, có tư tưởng tự do, ôm ấp hoài bão lớn, mong muốn sống có ích cho đời.

**2. Tác phẩm :**

a. Hoàn cảnh ra đời: có thể được hoàn thành trong những lần CBQ đi thi Hội

b. Thể loại: hành

**II.** **Đọc** - **hiểu văn bản**

**1. Nội dung:**

**a. Hình tượng bãi cát :**

**- Ý nghĩa tả thực:**

+ Dài vô tận, mịt mờ, mênh mông, bao quanh là núi non, sông, biển. Đó là con đường cùng, ghê sợ…

+ Đường đi trên cát: Vất vả, nhọc nhằn “đi 1 bước lùi 1 bước”, “phải trèo non, lội suối”, “tất tả”…

**- Ý nghĩa biểu tượng:**

**+ Hình ảnh bãi** **cát** gợi liên tưởng về **con đường công danh gập ghềnh của tác giả,** của nho sĩ trong xã hội nhà Nguyễn: Con đường học-thi- làm quan.

+ Việc **đi trên cát** gợi **nỗi buồn chán, bế tắc** của người đi đường.

**b. Tâm trạng, thái độ và tư tưởng cao rộng của CBQ khi đi trên con đường danh lợi tầm thường:**

**- 6 câu đầu :** CBQ biểu lộ sự chán ghét, mệt mỏi, bất bình: đi 1 bước như lùi 1 bước, mặt trời lặn mà vẫn phải đi, phải hành hạ thân xác để theo đuổi công danh.

**- 4 câu tiếp:** Nhà thơ thấy rõ danh lợi tầm thường giống như rượu ngon luôn cám dỗ, lôi kéo người đời, làm cho nhiều người mê muội. Ông tỏ thái độ không đồng tình với những kẻ ham mê danh lợi.

**- 7 câu cuối :** Bộc lộ tư tưởng mới mẻ, tiến bộ của tác giả: Nhận thấy rõ tính chất vô nghĩa của con đường khoa cử, công danh theo lối cũ, tác giả nhắn nhủ: cần thoát ra khỏi cơn say danh lợi, cần tìm kiếm con đường phù hợp hơn. Giọng thơ thúc giục: *Anh đứng làm chi trên bãi cát?*

**2. Nghệ thuật :**

- Sử dụng thơ cổ thể, hình ảnh có tính biểu tượng

- Thủ pháp đối lập, sáng tạo trong dùng điển tích.

**3. Ý nghĩa văn bản:**

Bài thơ biểu lộ sự chán ghét của CBQ đối với con đường danh lợi tầm thường đương thời và niềm khát khao thay đổi cuộc sống của nhà thơ.

**Đọc văn: VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC Nguyễn Đình Chiểu**

**PHẦN MỘT : TÁC GIẢ**

**I.Cuộc đời:**

1. Tên tuổi : (SGK)

2. Gia đình : (SGK)

3. Quê hương : (SGK)

4. Những nét chính trong cuộc đời : (SGK)

***=> Nhân cách của nhà thơ tập trung ở 3 bài học lớn***:

+ Ý chí và nghị lực sống.

+ Lòng yêu nước – thương dân.

+Tinh thần bất khuất trước kẻ thù.

**II. Sự nghiệp thơ văn:**

**1. Những tác phẩm chính:**

\* ***Sự nghiệp sáng tác : chia làm 2 giai đoạn*** :

- Trước khi Pháp xâm lược: Lục Vân Tiên, Dương Từ - Hà Mậu.

- Khi Pháp xâm lược: Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Ngư Tiều y thuật vấn đáp…

\* ***Quan điểm sáng tác***: Dùng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ đạo đức và lẽ phải cho nhân dân (*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm /Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*.)

**2**. **Nội dung thơ văn**:

***a) Lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa***: Thơ văn NĐC đặc biệt đề cao chữ Nghĩa, biểu dương truyền thống đạo đức tốt đẹp của con người; quan tâm sâu sắc đến quyền lợi của nhân dân. Vì vậy nhân dân đón nhận truyện Lục Vân Tiên nồng nhiệt – LVT có sức sống lâu bền trong nhân dân.

***b)*** ***Lòng yêu nước, thương dân***:

- Thơ văn yêu nước của NĐC đã ghi lại chân thực một thời kì khổ nhục nhưng vĩ đại của dân tộc – thời kì chống Pháp oanh liệt của nhân dân Nam Bộ.

- Tố cáo tội ác của giặc ngoại xâm.

- Dựng nên bức tượng đài bất tử về người nông dân yêu nước chống ngoại xâm....

**3. Nghệ thuật**:

- Đặc sắc ở bút pháp trữ tình – đạo đức.

- Đậm đà sắc thái Nam Bộ.

**=> Kết luận:** Nguyễn Đình Chiểu sinh ra trong một gia đình nhà Nho. **Cuộc đời của ông** là tấm gương trong sáng, cao đẹp về ý chí và nghị lực, về tấm lòng yêu nước, thương dân, thái độ kiên trung, bất khuất trước kẻ thù. **Thơ văn của ông** là bài ca đạo đức, nhân nghĩa, là tiếng nói yêu nước cất lên từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ mà vĩ đại của dân tộc ta

**PHẦN HAI: Tác phẩm:**

**I.Tiểu dẫn:**

**1. Vài nét về thể loại văn tế (SGK)**

**2.Về bài VTNSCG:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác:**

- Năm 1858, Thực dân Pháp xâm lược nước ta, cả dân tộc đứng lên chống Pháp.

- Đêm 16/12/1861, nghĩa quân tấn công đồn giặc ở Cần Giuộc, gây tổn thất lớn cho giặc, nhưng khoảng 20 nghĩa quân đã hi sinh.

- Đỗ Quang, tuần phủ Gia Định đã ủy thác NĐC viết bài văn tế này để bày tỏ sự tiếc thương, cảm phục những người chiến sĩ đã hi sinh vì tổ quốc.

- Bài văn tế được truyền tụng khắp đất nước, làm xúc động lòng người.

**b. Thể loại:** Văn tế, viết theo thể Phú luật đường.

**c. Bố cục:**

**- Lung khởi:** 2 câu đầu: tái hiện bối cảnh bão táp của thời đại, khẳng định cái chết bất tử của người nông dân nghĩa sĩ.

**- Thích thực**: Từ câu 3->15: Tái hiện chân thực cuộc đời người nông dân nghĩa sĩ: Từ người nông dân cui cút, nghèo khó, họ trở thành người chiến sĩ đánh Tây.

**- Ai vãn**: từ câu 16-> 28: bày tỏ niềm tiếc thương, cảm phục của tác giả và nhân dân đối với người nghĩa sĩ.

**- Kết:** Phần còn lại: Ca ngợi linh hồn bất tử của người nghĩa sĩ, kêu gọi mọi người đứng lên chiến đấu.

**II.** **Đọc** - **hiểu văn bản**:

**1. Nội dung:**

**a. Hình tượng người nông dân nghĩa sĩ:**

* **Trước khi Pháp xâm lược (Về nguồn gốc xuất thân) :**

- Họ là những người nông dân nghèo khó, lam lũ, tội nghiệp.

- Họ hoàn toàn xa lạ với việc binh đao chiến trận

* **Khi** **thực dân Pháp đến xâm lược đất đai, bờ cõi của cha ông, người nông dân nghĩa sĩ đã có những chuyển biến lớn lao về tình cảm, nhận thức và hành động.**

**- Về tình cảm :** Lòng yêu nước, căm thù giặc của người nông dân nghĩa sĩ trỗi dậy, mạnh mẽ và quyết liệt theo “*kiểu nông dân*”. Trước những thói mọi rợ, dã man “vấy vá đã ba năm” của kẻ thù, họ ghét chúng như “*nhà nông ghét cỏ, họ* chỉ muốn lao tới mà “*ăn gan, cắn cổ*” chúng.

**- Về nhận thức:** người nông dân nghĩa sĩ nhận thức rất sâu sắc về Đất Nước**.** Họ hiểu rõ nước ta là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, không ai có quyeend xâm phạm; họ ý thức được trách nhiệm công dân- trách nhiệm đánh giặc cứu nước của mình (câu 8)

**- Về hành động:** họ tự nguyện, sẵn sàng gia nhập vào đội quân áo vải để được đánh giặc cứu nước (Câu 9)

**->Từ người nông dân nhỏ bé, họ vụt trở thành người nghĩa sĩ phi thường**.

* **Vẻ đẹp hào hùng của đội quân áo vải trong “trận nghĩa đánh Tây (câu 10->15)**

**- Hình ảnh đội quân áo vải được khắc họa bằng bút pháp hiện thực**, không theo tính ước lệ của thơ văn trung đại.

**+ Những chi tiết chân thực** đều được chọn lọc tinh tế nên đậm đặc chất sống, mang tính khái quát cao *(manh áo vải, ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay…)*.

**+ Do đó, bức tượng ánh lên một vẻ đẹp mộc mạc,** giản dị mà không kém chất anh hùng bởi tấm lòng mến nghĩa, bởi tư thế hiên ngang, coi thường mọi khó khăn, thiếu thốn : *“nào đợi tập rèn”, “không chờ bày bố”, “nào đợi mang”, “chi nài sắm”…*

**- Hình tượng những người anh hùng được khắc nổi trên nền một trận công đồn đầy tư thế tiến công**.

**+ Tác giả đã sử dụng** **nhiều động từ mạnh** (*xô, xông, đạp, đâm, chém, hè, ó*)..., **nghệ thuật đối tài tình :** *đạp rào/lướt tới, xô cửa/ xông vào, đâm ngang/chém ngược*...,

-> góp phần tạo nhịp điệu nhanh, mạnh, dứt khoát, sôi nổi cho đoạn văn;

-> **diễn tả khí thế tấn công khẩn trương, quyết liệt, sôi động và đầy hào hứng của nghĩa quân Cần Giuộc.**

+ **Trên cái nền của trận đánh ấy là hình ảnh những người nông dân nghĩa sĩ** *“coi giặc cũng như không”, “liều mình như chẳng có”, “trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ”, “nào sợ…đạn nhỏ đạn to”…***Khí thế của họ là khí thế rất tự tin và đầy ý chí quyết thắng.** Họ đã **làm nên những kì tích anh hùng** : “đốt xong nhà dạy đạo”, “chém rớt đầu quan hai nọ”, làm cho quân giặc khiếp sợ “*mã tà ma ní hồn kinh*”...Có thể thấy, người nông dân nghĩa sĩ hiện lên **oai phong, lẫm liệt mà bình dị, gần gũi,** sống động.

=> Tóm lại, chỉ qua mười lăm câu văn, Nguyễn Đình Chiểu đã phát hiện và ngợi ca vẻ đẹp tiềm ẩn đằng sau manh áo vải, sau cuộc đời lam lũ của người nông dân nghĩa sĩ. Đó chính là lòng yêu nước, căm thù giặc, là ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước của họ.

**b. Tiếng khóc bi tráng của tác giả:** cộng hưởng nhiều nguồn cảm xúc:

+ Thể hiện nỗi xót thương đối với người nông dân nghĩa sĩ (câu 16-17); xót thương cho gia đình, người thân của họ (câu 25);...

+ Thể hiện niềm cảm phục, tự hào đối với những con người làm rạng ngời chân lí: thà chết vinh còn hơn sống nhục (câu 23).

+ Biểu dương công trạng của người nông dân nghĩa sĩ (câu 26, 28, 29).

=> Đây là tiếng khóc lớn mang tầm vóc sử thi, bi mà không lụy. Tiếng khóc ấy không chỉ hướng về cái chết, về nỗi đau thương mà còn tiến về cuộc sống của dân tộc nhằm khích lệ, cổ vũ tinh thần chiến đấu của toàn dân. Tiếng khóc ấy tạo âm hưởng bi tráng cho khúc ca về “những người anh hùng thất thế nhưng vẫn hiên ngang” (Phạm Văn Đồng).

**2. Nghệ thuật**  :

- Chất trữ tình; thủ pháp tương phản được sử dụng hiệu quả.

- Ngôn ngữ vừa trang trọng vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ.

**3. Ý nghĩa văn bản :**

- Khắc họa vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân.

- Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ

**Tiếng Việt Bài : THỰC HÀNH VỀ THÀNH NGỮ, ĐIỂN CỐ**

**I.Tìm hiểu chung**

**1. Thành ngữ :**

**a. Khái niệm:**

- Trong hệ thống ngôn ngữ, thành ngữ là một loại đơn vị ngôn ngữ có vai trò tổ chức câu (lời nói) tương đương với từ và cụm từ tự do (ngữ), chứ không phải tương đương với câu( tương đương với câu là tục ngữ).

- Thành ngữ là loại cụm từ cố định, đã hình thành từ trước, thuộc loại đơn vị ngôn ngữ có sẵn, chứ không phải là sản phẩm nhất thời trong giao tiếp như cụm từ tự do.

- Hơn nữa, thành ngữ có giá trị hình tượng và biểu cảm rõ rệt, mang lại cho lời nói những sắc thái thú vị.

- Các dạng thành ngữ thông dụng:

+ Thành ngữ so sánh: nhanh như sóc…

+ Thành ngữ đối: chân ướt chân ráo.

+ Thành ngữ thường: nói vã bọt mép…

**b. Giá trị nổi bật:**

- Tính hình tượng.

- Tính khái quát về nghĩa: hàm súc, sâu sắc, tính triết lí cao…

- Tính biểu cảm.

- Tính cân đối, hài hòa về nhịp.

**c. Khi dùng thành ngữ cần lưu ý:**

- Tìm hiểu rõ ý nghĩa của thành ngữ ( nghĩa biểu hiện và sắc thái biểu cảm)

- Dùng thành ngữ phải phù hợp với nội dung, ý nghĩa của câu.

**2.Điển cố:**

**a. Khái niệm:**

**-** Điển cố là những sự việc, những tích trước đây hoặc những câu chữ trong sách vở đời trước được dẫn ra, sử dụng lồng ghép vào bài văn, lời nói để nói về những điều tương tự.

- Mỗi điển cố như 1 sự việc tiêu biểu, điển hình, chỉ cần gợi nhắc là đã chứa đựng điều định nói.

**b. Giá trị nổi bật:**

- Hình thức ngắn gọn nhưng nội dung ý nghĩa lại hàm súc, thâm thúy, ý vị, có giá trị tạo hình và biểu cảm.

- Được dùng nhiều trong VB nghệ thuật, nhất là VB’ cổ.

- Trong quá trình giao tiếp, sử dụng, có thể tạo ra những điển cố mới.

**c. Muốn sử dụng và lĩnh hội được điển cố, phải có vốn sống, vốn tri thức văn hóa sâu rộng, phong phú.** Dùng điển cố phải phù hợp với nội dung, hình thức của câu.

**II.** **Luyện tập**

**BT1**: Một duyên hai nợ, Năm nắng mười mưa

* Các thành ngữ này phối hợp với nhau, với các cụm từ có dáng dấp thành ngữ “lặn lội thân cò, eo sèo mặt nước” nhằm khắc họa rõ nét hình ảnh người vợ tảo tần, đảm đang giàu đức hi sinh.

**BT2**: Thành ngữ:

+ Đầu trâu mặt ngựa -> gợi sự hung bạo, thú vật,vô tổ chức của bọn quan lại, sai nha khi chúng đến nhà TKiều vu oan bắt cha và em nàng.

+ Cá chậu chim lồng: -> gợi cảnh sống tù túng, chật hẹp, mất tự do, tuy bề ngoài có vẻ hào nhoáng, hoa mĩ.

+ Đội trời đạp đất: -> gợi lối sống và hành động tự do, ngang tàng không chịu bó buộc, khuất phục quyền uy. Đó chính là người anh hùng Từ Hải.

**BT3:** Đàn kia: Gợi chuyện Chung Tử Kì nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được ý nghĩ của bạn. Khi Tử Kì mất, Bá Nha đập vỡ đàn, từ bỏ nghề chơi đàn vì cho rằng trên đời này không còn ai có thể hiểu được tiếng đàn của mình.

**BT4:** Phân tích tính hàm súc, thâm thúy của các điển cố:

* Ba thu: Kinh Thi có câu Nhất nhật bất kiến như tam thu hề (một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba năm): Khi KTrọng đã tương tư Kiều có cảm giác như ba mùa thu -> thể hiện nỗi nhớ nhung da diết.
* Chín chữ: Kinh Thi kể chín chữ nói về công lao của cha mẹ đối với con cái -> TKiều nghĩ đến công lao cha mẹ mà xót xa, đau đớn bởi mình chưa làm gì để báo đáp, lại đang phải sống nơi xa xôi biền biệt nơi đất khách quê người.

- Liễu Chương Đài gợi chuyện người xưa đi làm quan xa viết thư về thăm vợ có câu “cây liễu ở Chương Đài xưa xanh xanh nay có còn không, hay là tay khác đã vin bẻ mất rồi”-> Kiều tưởng tượng đến cảnh KTrọng trở lại thì nàng đã thuộc về tay người khác mất rồi.

* Mắt xanh: Nguyễn Tịch đời Tấn quý ai thì tiếp bằng mắt xanh (lòng đen của mắt), không ưa ai thì tiếp bằng mắt trắng ( lòng trắng của măt. Dẫn điển cố này,Từ Hải muốn nói với Kiều rằng, chàng biết nàng ở chốn lầu xanh nhưng chưa bằng lòng, để tâm đến ai-> đề cao phẩm giá của Kiều.

**BT5**:

* Ma cũ bắt nạt ma mới -> người cũ quen biết nhiều mà lên mặt, bắt nạt, dọa dẫm người mới -> Thay thế bằng : người cũ bắt nạt người mới.

- Chân ướt chân ráo=>thay bằng: vừa mới đến, còn lạ lẫm.

- Cưỡi ngựa xem hoa -> Làm việc qua loa, không đi sâu, đi sát, không tìm hiểu thấu đáo, kĩ càng

-> có thể thay bằng từ : qua loa.

=> Mất sắc thái biểu cảm, mất tính hình tượng, tính hàm súc khái quát.

**BT6:** Đặt câu với thành ngữ:

- Đừng giấu tớ nữa!Tớ **đi guốc trong bụng** cậu rồi.

* Tớ phải **nấu sử sôi kinh** mới được điểm 10 môn Toán đấy.
* Cậu đừng có mà **trứng khôn hơn vịt!**
* Con đừng sống theo kiểu **con nhà lính, tính nhà quan**
* Đừng **thấy người sang bắt quàng làm họ**; phải biết giữ mình con ạ!...

**BT7:** Đặt câu với điển cố:

- Dạo này vì làm ăn thua lỗ, anh ta **nợ như chúa chổm.**

- Anh đừng **nên đẽo cày giữa đường.**

**-** Hắn ta là “con cháu”**gã** **Sở Khanh** đấy.

- Lớp trẻ cần phải có **sức trai phù đổng.**

**-** Thiếu tự tin chính là **gót chân Asin** của Nam đấy./.

**Bài : THAO TÁC LẬP LUẬN SO SÁNH**

**(GHI VÀO TẬP: phần ghi nhớ SGK)**

**BÀI: ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**I.** **Tìm hiểu chung**

**1. Nội dung yêu nước** của văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX có những biểu hiện mới:

\*Ý thức về vai trò của người trí thức đối với đất nước (Chiếu cầu hiền),

\* Tư tưởng canh tân đất nước (Xin lập khoa luật),

\* Tìm hướng đi mới cho cuộc đời trong hoàn cảnh xã hội bế tắc (Sa hành đoản ca).

\*Chủ nghĩa yêu nước ở văn học nửa cuối thế kỉ XIX mang âm hưởng bi tráng, thể hiện rõ nét trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

**2. Văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX xuất hiện một trào lưu nhân đạo chủ nghĩa, xuất hiện hàng loạt những tác phẩm mang** nội dung nhân đạo có giá trị lớn Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, thơ Hồ Xuân Hương...

Nội dung nhân đạo chủ yếu trong văn học giai đoạn này là sự thương cảm trước bi kịch và đồng cảm với khát vọng của con người; khẳng định, đề cao tài năng nhân phẩm, lên án những thế lực tàn bạo chà đạp con người; đề cao truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc.

Cảm hứng nhân đạo trong giai đoạn này cũng có những biểu hiện mới: hướng vào quyền sống của con người, nhất là con người trần thế, ý thức về cá nhân đậm nét hơn ( ý thức về quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân, tài năng cá nhân...)

**3. Giá trị phản ánh và phê phán hiện thực của đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh**: đoạn trích là bức tranh chân thực về cuộc sống nơi phủ chúa, được khắc họa ở 2 phương diện: cuộc sống thâm nghiêm, giàu sang, xa hoa và cuộc sống ốm yếu, thiếu sinh khí của cha con nhà chúa.

**4. Những giá trị nội dung và nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu**

+ Nổi bật nhất là đề cao đạo lí nhân nghĩa và nội dung yêu nước

+ Nổi bật nhất là tính chất đạo đức – trữ tình, màu sắc Nam Bộ qua ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật.

Trước Nguyễn Đình Chiểu văn học dân tộc chưa có một hình tượng hoàn chỉnh về người anh hùng nông dân nghĩa sĩ. Trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, hình tượng người anh hùng nông dân nghĩa sĩ mang vẻ đẹp bi tráng. Tiếng khóc trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là tiếng khóc đau thương mà lớn lao, cao cả.

**II.** **Luyện tập: L**ập bảng tổng kết theo biểu mẫu (HS tự soạn vào vở ghi 6 bài sau)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Tác giả** | **Nghệ thuật** | **Ý nghĩa văn bản** |
| 1. **Tự tình (Bài II)** 2. **Câu cá mùa thu (Thu điếu)** 3. **Thương vợ** 4. **Bài ca ngất ngưởng** 5. **Bài ca ngắn đi trên bãi cát** 6. **Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc** |  |  |  |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**